

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 02 - 4 - 2025  
V/v Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An.

Ông Bùi Xuân Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2025, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Vào năm 1996 bà X và ông B tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Xâm B1, sinh năm 1997 (Đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài, vợ chồng hiện đã sống ly thân nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Bà X yêu cầu ly hôn với ông B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà X.

*Ông B thống nhất ly hôn với bà X. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.*

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét về thủ tục:* Các đương sự có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy bà X và ông B tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng bà X và ông Bằng K đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ); khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình (Thông tư số: 01) không công nhận bà X và ông B là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] *Về con chung:* Đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng, nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà X và ông B không có yêu cầu trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà X phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số: 326). Bà X đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS; Điều 9, Điều 14, Điều 53 LHNGĐ; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X.

Không công nhận bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà Lê Thị X đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005386 ngày 24/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND Khánh Bình Tây Bắc;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Huỳnh Hải**